

IMAGINERY OF BIG RIVERS RUNNING EASTWARD IN CLASSICAL CHINESE POETRY AND NGUYEN DU'S SINO SCRIPT POETRY

Dinh Thi Huong

Posts and Telecommunications Institute of Technology

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	24/7/2025	There is a deep connection between some works of classical Chinese poets and Nguyen Du's Sino poetry in the scene of a great river flowing to the east. This article aims to clarify the similarities and differences in the description of natural scenes and the expression of humanistic thoughts, the core of which is the sympathy of the authors. The methods of survey, analysis and comparison are used in this study. Research results show that the scene of the Truong Giang river section associated with the ancient battle of Xich Bich, expressed in the works of To Dong Pha of the Song Dynasty and of Duong Than of the Ming Dynasty, became a haunting scene for Nguyen Du, helping him express sympathy not only for himself but also for many heroes in history. This article also contributes to expressing and praising the humanistic thoughts and attitudes of the poets in the ups and downs context of life, contributing to building a positive mindset in today's life.
Revised:	26/9/2025	
Published:	26/9/2025	

KEYWORDS

Nguyen Du poetry
Big rivers running eastward
Xich Bich
Hero
Chinese poetry

CẢNH TƯỢNG SÔNG LỚN CHẢY VỀ ĐÔNG TRONG SÁNG TÁC CỦA MỘT SỐ NHÀ THƠ CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC VÀ TRONG THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU

Dinh Thị Hương

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	24/7/2025	Có mối liên hệ sâu sắc giữa một số sáng tác của các nhà thơ cổ điển Trung Quốc và thơ chữ Hán của Nguyễn Du trong cảnh tượng sông lớn chảy về đông. Bài báo này nhằm làm rõ những điểm giống và khác nhau trong việc miêu tả cảnh tượng tự nhiên và thể hiện tư tưởng nhân văn mà cốt lõi là tấm lòng thương cảm của các tác giả. Phương pháp khảo sát, phân tích và so sánh được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả cho thấy, cảnh tượng đoạn sông Trường Giang gắn với trận chiến Xích Bích thời xưa được thể hiện trong tác phẩm của Tô Đông Pha đời Tống và của Dương Thân đời Minh đã trở thành cảnh tượng ám ảnh đối với Nguyễn Du, giúp ông bộc lộ sự thương cảm không chỉ với bản thân mà còn với nhiều người anh hùng trong lịch sử. Bài báo này cũng góp phần thể hiện và ca ngợi tư tưởng nhân văn và thái độ ứng xử của các nhà thơ trước những thăng trầm biến động của cuộc đời, góp phần xây dựng tư tưởng sông tích cực trong cuộc sống hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	26/9/2025	
Ngày đăng:	26/9/2025	

TỪ KHÓA

Thơ Nguyễn Du
Sông lớn chảy về đông
Xích Bích
Anh hùng
Thơ Trung Quốc

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.13296>

Email: huongdt@ptit.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

431

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, cảnh tượng hai con sông lớn là Hoàng Hà (ở phía Bắc) và Trường Giang (ở phía Nam) xuất hiện khá nhiều, đặc biệt là cảnh tượng Trường Giang. Năm 2018, nhà xuất bản Vũ Hán đã xuất bản sách *Thiên cổ phong lưu – lịch đại Trường Giang thi ca tinh tuyển lục bách thủ*, trong sách có 600 tác phẩm viết về Trường Giang được La Phúc Huy và Nguyên Duy tuyển lựa từ lịch sử thi ca các triều đại Trung Quốc [1]. Một số nhà nghiên cứu Trung Quốc đã viết về cảnh tượng hai con sông này. Điền Thụ Bình [2] với bài viết *Lý Bạch thi ca trung đích Hoàng Hà dữ Trường Giang tỉ giáo* (So sánh hình tượng Hoàng Hà và Trường Giang trong thơ Lý Bạch) đã nhận định "Hoàng Hà luôn mang đến cho người xem cảm giác hùng vĩ, phóng khoáng, mạnh mẽ, tráng lệ, tràn đầy sức sống. Trường Giang chủ yếu được phản ánh ở vẻ đẹp của sự trong vắng, thanh tú, u tĩnh. Đó là kết quả của sự phản ánh hài hòa giữa môi trường thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ, đồng thời cũng là sự ảnh hưởng của văn hóa phương Bắc và phương Nam lên tài năng và khí chất của nhà thơ". Tạ Kỳ Tuyền [3] với bài viết *Đỗ Phủ thi ca trung đích Hoàng Hà thư tả* (Sông Hoàng Hà trong thơ Đỗ Phủ) đã nhận xét rằng "Sông Hoàng Hà là một mô-típ quan trọng trong lịch sử thơ ca Trung Quốc, được sáng tác từ thời Kinh Thi, trải qua thời Lục Triều và đạt đỉnh cao vào thời Đường" và "Đỗ Phủ đã kế thừa truyền thống tốt đẹp của cha ông, ca ngợi sức sống hùng vĩ của con sông Hoàng Hà và truyền tải nỗi nhớ quê hương. Các bài thơ kết hợp cảm xúc cá nhân và cảnh quan thiên nhiên, lấy Hoàng Hà làm biểu tượng cho hoài bão, ẩn chứa tính thời sự và quan điểm chính trị". Lý Thiệu Quân [4] với bài viết *Trường Giang dữ Trung Quốc thi ca tinh thần* (Trường Giang và tinh thần thi ca Trung Quốc) đã cho rằng "Trường Giang không chỉ là sông mẹ của dân tộc Trung Hoa mà còn là sông mẹ của thơ ca Trung Quốc" và "sự hùng vĩ bao la của nó thể hiện tinh thần thơ ca Trung Quốc".

Trong số những sáng tác về cảnh tượng sông Trường Giang của các tác giả Trung Quốc, cảnh tượng con sông lớn này cuộn cuộn chảy về đông là cảnh tượng nhiều ý nghĩa. Tiêu biểu cho những sáng tác đó là một bài từ làm theo điệu *Niệm nô kiều* có tên là *Xích Bích hoài cổ* của Tô Đông Pha đời Tống và một bài từ làm theo điệu *Tây giang nguyệt* của Dương Thận đời Minh. Hai bài từ đó đều được tuyển lựa trong số 600 bài mà La Phúc Huy và Nguyên Duy đã tuyển (theo một số tài liệu khác thì bài của Dương Thận được coi là làm theo điệu *Lâm giang tiên*). Theo chú thích của La Phúc Huy và Nguyên Duy thì bài của Dương Thận được cha con Mao Tôn Cương đầu đời Thanh khi tu đính *Tam Quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung đã đưa thêm vào đầu cuốn tiểu thuyết này, vì thế nó cũng là ca khúc chủ đề bộ phim truyền hình *Tam Quốc diễn nghĩa* [1, tr. 379-380]. Dịch giả Phan Kế Bính ở Việt Nam trong phần mở đầu bản dịch *Tam Quốc diễn nghĩa* đã dịch nghĩa bài *Tây giang nguyệt* nhưng không kèm bản phiên âm Hán Việt [5], bản phiên âm Hán Việt được Lê Thời Tân giới thiệu trong bài viết *Đọc lại Quan Công* [6]. Về bài từ *Xích Bích hoài cổ* của Tô Đông Pha, Nguyễn Hiến Lê đã có bản tiếng Hán và phiên âm Hán Việt cùng với bản dịch nghĩa, ông cho rằng bài đó có "giọng hoài cổ triền miên mà bi hùng" [7].

Cảnh tượng sông lớn chảy về đông được Tô Đông Pha và Dương Thận thể hiện có mối liên hệ đến một số sáng tác thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Khảo sát 249 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du còn lưu lại (theo biên soạn của Lê Thước và Trương Chính) [8], chúng tôi nhận thấy có 8 bài thơ có mối liên hệ sâu sắc với cảnh tượng ấy. Tiếp tục tìm hiểu các bài viết liên quan đến Nguyễn Du và cảnh tượng sông nước trong thơ ông, chúng tôi cũng nhận thấy đây là vấn đề còn có thể được khám phá và làm sáng tỏ. Một số tác giả đã có một vài nhận định liên quan. Đàm Thị Thu Hương [9] với nghiên cứu *Hành trình khám phá cái tôi trong thơ tha hương của Nguyễn Du và Đỗ Phủ* đã nhận định "Ở Nguyễn Du, bộ ba hình ảnh thay phiên xuất hiện trong thơ tha hương lữ thứ làm nên một trường đoạn đậm đặc nỗi sầu là gió tây, mùa thu lá rụng và dòng sông". Nghiên cứu của Ngô Thị Thanh Tâm [10] đã lấy dẫn chứng hình ảnh Nguyễn Du ngồi một mình trên thuyền các ngả sông La Phù cuộn chảy để nhận xét rằng "Với Nguyễn Du, kiếp sống con người quá thật ngắn ngủi, đổi thay chóng vánh, hư ảo khôn lường". Vì vậy, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu so sánh giữa hai bài từ đó với một số sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du là điều có ý nghĩa khoa học. Ý nghĩa của hai bài từ đó rất rộng lớn sâu sắc. Do vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng

tôi chỉ tập trung làm rõ mối liên hệ giữa hai bài từ ấy với một số bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Mối liên hệ đó thể hiện qua những điểm tương đồng và khác biệt ở việc miêu tả vẻ đẹp tự nhiên và ý nghĩa thẩm mỹ của cảnh tượng sông lớn chảy về đông cùng tâm trạng cảm thương trong tình thân nhân văn của các nhà thơ. Từ đó, chúng tôi cũng đưa ra những nhận định góp phần xây dựng tư tưởng xử thế tích cực trong đời sống hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát được sử dụng chủ yếu để tìm ra những bài thơ, câu thơ có liên quan đến hình tượng sông lớn chảy về đông trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Phương pháp phân tích, điểm bình và so sánh được sử dụng để tìm ra mối liên hệ và sự tương đồng cùng các điểm khác biệt trong việc miêu tả cảnh tượng sông nước tự nhiên, tìm ra ý nghĩa thẩm mỹ và tâm trạng của các nhà thơ trước cảnh tượng đó. Về ngữ liệu, các bài thơ của Nguyễn Du được trích dẫn trong bài viết đều được lấy từ tài liệu của Lê Thước và Trương Chính [8], một số bài thơ Đường dùng làm so sánh được lấy từ hai tập *Đường thi tuyển dịch* của Lê Nguyễn Lưu [11], [12].

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong một số sáng tác thi ca Trung Quốc

3.1.1. Vẻ đẹp tự nhiên và ý nghĩa thẩm mỹ của cảnh tượng sông lớn chảy về đông

Đối với cảnh tượng núi sông nói chung, thơ ca cổ điển Trung Quốc thường miêu tả núi sông trong mùa xuân và mùa thu. Với việc miêu tả cảnh tượng sông lớn cũng vậy, chủ yếu là tả sông lớn trong hai mùa đó. Với mùa xuân, do đặc điểm thời tiết và lượng nước đổ về sông, lại do cảnh quan thảo mộc cùng với phong tục tập quán và tâm trạng của con người trên sông nước, cảnh tượng sông lớn mùa xuân thường mang vẻ đẹp rất khác với cảnh tượng sông lớn mùa thu.

Từ thời Sơ Đường, bài thơ *Xuân giang hoa nguyệt dạ* của Trương Nhược Hư đã là một thiên diễm lệ miêu tả cảnh tượng sông lớn trong đêm xuân. Trong bài thơ đó, cảnh nước sông và bề dằng bằng nhau, như nối liền đến chân trời, không có sóng to gió lớn, không có nước chảy cuộn cuộn. Mặc dù sông lớn không bao giờ dừng chảy về đông nhưng rõ ràng sự trôi chảy trong mùa xuân và mùa thu là rất khác biệt. Với việc miêu tả trọn vẹn một đêm hoa trăng trên sông xuân, Trương Nhược Hư cũng nhìn thấy sự trôi chảy của dòng Trường Giang là không ngừng, mặc dù không cuộn cuộn nhưng sự trôi chảy ấy cũng đủ để cuốn trôi xuân, cuốn trôi nhiều thứ đẹp đẽ ở đời: "Đàn kiến Trường Giang tổng lưu thủy.../ Giang thủy lưu xuân khứ dục tận" [11, tr. 257-259].

Đến thời Thịnh Đường, Đỗ Phủ với bài thơ *Đãng cao* đã miêu tả cảnh Trường Giang trong mùa thu với đầy bi khí, nước sông cuộn cuộn, lá vàng tuôn rơi, mênh mông mà thê lương: "Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ/ Bất tận Trường Giang cồn cồn lai" [11, tr. 678-679].

Dù nước Trường Giang luôn trôi chảy về đông trong cả hai mùa nhưng cảnh tượng về sự trôi chảy ấy trong mùa thu (có thể đến đầu đông) là rõ ràng nhất. Vì vậy, khi nói đến cảnh sông lớn chảy về đông, người ta thường nghĩ đến mùa thu hoặc đầu đông.

Đến đời Tống, Tô Đông Pha với bài từ *Xích Bích hoài cổ* lại tiếp nối việc miêu tả cảnh tượng trôi chảy của Trường Giang, đặc biệt là của đoạn sông từng diễn ra trận Xích Bích thời Tam Quốc: "Đại giang đông khứ/ Lãng đảo tận thiên cổ phong lưu nhân vật/ Cổ lũy tây biên/ Nhân đạo thị Tam Quốc Chu lang Xích Bích/ Loạn thạch băng vân/ Kinh đào phách ngân/ Quyển khởi thiên đôi tuyết/ Giang sơn như hoạ/ Nhất thời đa thiểu hào kiệt/ Dao tướng Công Cẩn đương niên/ Tiểu Kiều sơ giá liễu/ Hùng tư anh phát/ Vũ phiến luân cân/ Đàm tiểu gian/ Tường lỗ hôi phi yên diệt/ Cổ quốc thân du/ Đa tình ưng tiểu ngã/ Tảo sinh hoa phát/ Nhân sinh như mộng/ Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt" (Sông dài băng chảy/ Sóng cuốn hết thiên cổ phong lưu nhân vật/ Lũy cũ phía tây/ Người bảo là Xích Bích thời Chu Du Tam Quốc/ Đá loạn sục mây/ Sóng gầm vỗ bến/ Cuốn lỏi ngàn đồng tuyết/ Núi sông như vẽ/ Một thời bao nhiêu hào kiệt/ Nhớ Công Cẩn thời đó/ Tiểu Kiều khi mới cưới/ Anh hùng tư cách/ Quạt lông khăn là/ Lúc nói cười/ Giặc mạnh tro bay khói hết/ Cổ quốc hồn về/ Đa tình chắc cười ta/ Tóc đà sớm bạc/ Đời người như mộng/ Chén này đề tạ trắng nước) [7, tr. 108-109].

Theo chú thích của La Phúc Huy và Nguyễn Duy, bài từ này được Tô Đông Pha làm vào năm 1082, hai năm sau khi ông bị lưu đày đến Hoàng Châu, là sáng tác tiêu biểu cho phong cách thi ca táo bạo phóng khoáng của Tô Đông Pha. Ông dùng cách thác vật ngôn chí, thông qua việc tưởng nhớ chiến trường xưa, nhớ tài năng và khí chất của các anh hùng trong lịch sử để diễn tả nỗi buồn và tình cảm ưu phần hoài tài khi bản thân chưa hoàn thành những hoài bão lớn mà đã bị khép tội và lưu đày. Cảnh tượng trong đó hùng tráng, hiem trở và hoang vắng được thể hiện với văn phong cũng hùng tráng và bút lực mạnh mẽ, kết hợp tả cảnh với vịnh sử và trữ tình khiến lay động tâm hồn người đọc, là tác phẩm được xếp vào hàng "cổ kim tuyệt xướng" [1, tr. 275-276].

Bài từ này có nhiều vẻ đẹp, từ giọng điệu lời ca đến cảnh tượng tự nhiên, ý nghĩa thẩm mỹ và triết lí nhân sinh cùng tâm thái tình cảm của tác giả. Cảnh tượng giang sơn mang vẻ đẹp "như họa". Cảnh tượng ấy hùng vĩ tráng lệ và sống động hiem trở vì có sóng lớn vách cao, nước không ngừng cuộn cuộn, sóng xô đá nhọn, mây cuộn gió tung, bọt trào như ngàn đồng tuyết. Đó là cảnh tượng tự nhiên chân thực được nhìn ở nhiều góc độ, có cao sâu dài rộng, động tĩnh gần xa, được mô tả bởi "văn phong hùng tráng" và "bút lực mạnh mẽ". Cảnh dòng nước cuộn cuộn chảy về đông như cuốn theo mọi cơ đồ sự nghiệp của các bậc phong lưu anh hùng muôn thuở là cảnh dễ gợi những xúc cảm mãnh liệt và suy tưởng cho người đọc. Đó là cảnh biến đổi của thế sự, là một tiểu cảnh trong đại cảnh thương hải tang điền. Trường Giang chảy về đông chính là chảy về biển cả. Không có muôn sông đổ ra biển, không có nước sông cuộn cuộn mang theo bao nhiêu cơ đồ sự nghiệp và thành quách phù sa ra biển thì sao có đại cảnh ấy. Trong bài từ này, chỉ một số nhân vật được nhắc tên nhưng còn bao nhiêu hào kiệt phong lưu và muôn vạn cơ đồ sự nghiệp của họ trong lịch sử không được các tác giả gọi tên cũng không nằm ngoài ngọn sóng bạc đầu và dòng chảy cuộn cuộn kia.

Đến đời Minh, Dương Thận với bài từ *Tây giang nguyệt* cũng tái hiện cảnh sông nước này: "Cồn cồn Trường Giang đông thế thủy/ Lãng hoa đào tận anh hùng/ Thị phi thành bại chuyên đầu không/ Thanh sơn y cựu tại/ Kỳ độ tịch dương hồng/ Bạch phát ngư tiêu giang chữ thượng/ Quán khan thu nguyệt xuân phong/ Nhất hồ trọc tử hỉ tương phùng/ Cổ kim đa thiếu sự/ Đô phó tiếu đàm trung" (Trường Giang cuộn cuộn chảy về đông/ Sóng vùi dập hết anh hùng/ Được thua phải trái thoát thành không/ Non xanh nguyên vẻ cũ/ Mây độ bóng tà hồng/ Bạn đầu bạc ngư tiêu trên bãi/ Đã quen nhìn thu nguyệt xuân phong/ Một bầu rượu vui vẻ tương phùng/ Xưa nay bao nhiêu việc/ Phó mặc nói cười suông – Phan Kế Bính dịch) [5, tr. 27].

Cũng theo chú thích của La Phúc Huy và Nguyễn Duy, bài từ này được Dương Thận sáng tác khi ông bị lưu đày đến Vân Nam [1, tr.380]. Trong bài từ có hình tượng Trường Giang cuộn cuộn chảy về đông trong ánh tịch dương hồng, có khói sóng mịt mù, có núi xanh vẻ cũ, có đôi bạn ngư tiêu cùng bầu rượu đục nói cười trên bến bãi. Không gian Trường Giang rộng lớn nhưng chỉ có bấy nhiêu hình ảnh, làm nên một bức tranh khoáng đạt u tĩnh, cũng dễ gợi suy tưởng cho người đọc.

Như vậy, cả hai bài từ đều miêu tả cảnh Trường Giang một cách tự nhiên, chân thực và ấn tượng.

3.1.2. Tâm trạng cảm thương trong tư tưởng nhân văn của các nhà thơ trước cảnh tượng

Tư tưởng nhân văn trong hai bài từ ở trên biểu hiện rất phong phú. Ngoài việc ca ngợi cảnh tượng tự nhiên của giang sơn, tư tưởng ấy còn chủ yếu thể hiện ở nỗi niềm hoài cổ, thương tiếc cho số phận và cơ đồ sự nghiệp của bao thế hệ anh hùng hào kiệt phong lưu. Đồng thời, đó cũng là sự tự thương cảm kín đáo của các nhà thơ cho chính họ, là nỗi buồn về sự hữu hạn của kiếp người và những oan vận ồng tai mà họ đã kinh qua, cũng có thể là tiếng nói gián tiếp phản đối những cuộc chiến tranh tương tàn không đáng có. Mặt khác, hai bài từ cũng thể hiện nhiều trạng thái tâm trạng khác nhau của các tác giả, từ sự thương cảm đến sự hào sảng và an nhiên bình thản. Tất cả đều rất đáng trân trọng.

Sự cảm thương của hai tác giả có nguồn gốc từ hoàn cảnh lưu đày của cá nhân, từ sự trực tiếp chứng kiến cảnh tượng sông nước, từ sự hồi tưởng lịch sử của bao thế hệ anh hùng thời trước, từ bản tính khí chất phong lưu hào kiệt và đa tình của chính các tác giả, từ sự nuôi dưỡng bởi nguồn mạch sông núi tự nhiên và nguồn mạch văn hóa nhiều đời, đặc biệt là từ tinh thần của Nho, Phật, Đạo.

Cảnh tượng sông nước cuộn cuộn trong hai bài từ được hiện lên cùng những hình ảnh diễn tả sự kết thúc, tận diệt, hoại không: buổi chiều, mùa thu, ánh mặt trời sắp lặn, v.v. Đó là những hình

ảnh gợi cảm giác tiếc nuối, xót xa. Những hình ảnh ấy vốn đã khiến con người cảm thấy thương tâm nhưng càng thương tâm hơn khi gắn với nỗi niềm hoài cổ về bao lớp hào kiệt phong lưu và đa tình anh hùng đã thoát chốc thành không. Không chỉ có sự cảm thương, cảm hứng nhân văn trong hai bài từ này còn thể hiện ở những hình ảnh rất hào sảng và phóng khoáng. Hình ảnh Tô Đông Pha nâng chén "hoàn lỗi giang nguyệt" vừa như tạ lỗi với trăng sông vừa như rót tưới để ai điều bao âm hồn hào kiệt phong lưu dưới dòng nước lạnh. Người đọc có thể tưởng tượng ra một Tô Đông Pha kiêu hùng đang lòng đau lệ chảy, vừa rất cô độc lại vừa như có vô vàn tri kỉ. Hình ảnh ấy có lẽ là đỉnh điểm của tâm trạng cảm thương và cũng là sự khởi đầu của trạng thái an nhiên bình thản. Với Dương Thận, những cảm thương sâu sắc trước cảnh "Lãng hoa đào tận anh hùng" và "Thị phi thành bại chuyển đầu không" cũng là những suy tưởng và cảm nghiệm triết lí tính không của đạo Phật, cho nên hình ảnh ngư tiêu giao đãi cùng bầu rượu đục dưới trăng sông là hình ảnh của cuộc sống tự do giản dị, cũng là hình ảnh được thấy đến sau cùng trong cảnh tượng, có thể làm tiêu tan ít nhiều những cảm thương trước đó.

3.2. Cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du

3.2.1. Nguyên nhân trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du có cảnh tượng sông lớn chảy về đông

Cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du chủ yếu là ở những bài ông miêu tả cảnh sông nước đất Việt (khi ông ở trong nước). Khi sang Trung Quốc, ông đi qua nhiều vùng sông nước, làm thơ vịnh nhiều danh lam thắng tích và nhân vật lịch sử. Mặc dù vậy, không có nhiều cảnh tượng sông nước cuộn cuộn được miêu tả như khi ông ở đất Việt, nếu có thì cảnh tượng ấy cũng ít thể hiện tâm trạng cảm thương. Bài *Hán Dương văn thiếu* là ví dụ [8, tr.279-280], bài thơ đó miêu tả cảnh tượng sông Hán Dương cuộn chảy, gọi cho nhà thơ nhớ tới Sở Bá vương Hạng Vũ thời kỳ Hán Sở tranh hùng nhưng gần như không thể hiện sự cảm thán về nỗi tiêu vong của sự nghiệp anh hùng, cũng không cảm thương cho bản thân, thay vào đó là nỗi nhớ quê hương đất nước.

Nguyễn Du rất uyên bác về văn hóa cổ điển Trung Quốc nói chung và về thơ Trung Quốc nói riêng nên việc ông tiếp nhận ý tứ cảnh tượng trong thơ Trung Quốc để đưa vào thơ ca của ông cũng là lẽ tự nhiên. Ngoài ra, do đặc điểm sùng cổ của thơ ca khi đó nên việc ông sử dụng những điển tích điển cố hay những ý tưởng của thi nhân đời trước để đưa vào thơ ca của ông cũng là điều dễ hiểu.

Nguyễn Du có cuộc sống gắn liền với sông nước trong nhiều năm. Khi ông ở quê ngoại Thái Bình, khi ông làm cai bạ ở Quảng Bình, khi ông ở sông Lam núi Hồng, khi làm quan ở Bắc Hà, khi ông đi qua nhiều vùng sông nước trong chuyến sang sứ Trung Quốc, ông đều làm thơ để lưu lại mỗi cảnh tượng sông nước mà mình đã gắn bó hoặc chứng kiến. Sự ám ảnh bởi cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong thơ cổ điển Trung Quốc đối với tâm trí của Nguyễn Du đã thể hiện rất rõ khi ông miêu tả một số cảnh tượng sông nước đất Việt. Tâm trạng của Nguyễn Du cũng tương thông tương cảm với tâm trạng của các nhà thơ cổ điển Trung Quốc, tài hoa và số mệnh bôn ba của ông cũng dễ khiến ông đồng thanh đồng khí với họ.

Sự ảnh hưởng của tinh thần tam giáo (Nho, Phật, Đạo) đối với Nguyễn Du cũng sâu sắc. Ông vừa ảnh hưởng trực tiếp từ kinh điển của tam giáo, vừa ảnh hưởng gián tiếp nhờ thơ văn cổ Trung Quốc. Mượn cảnh sông nước để thể hiện triết lí nhân sinh và tư tưởng tam giáo, đó cũng là điều phổ biến trong văn chương kim cổ phương Đông.

3.2.2. Những điểm tương đồng và điểm mới trong cảnh tượng sông lớn chảy về đông ở thơ chữ Hán của Nguyễn Du so với một số sáng tác của các nhà thơ cổ điển Trung Quốc

Những điểm tương đồng trong cảnh tượng sông lớn chảy về đông ở một số bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du và một số sáng tác của các nhà thơ cổ điển Trung Quốc (tiêu biểu là trong bài từ của Tô Đông Pha và bài từ của Dương Thận) được thể hiện chủ yếu ở việc sử dụng một số hình ảnh như hình ảnh dòng sông cuộn cuộn chảy về đông, khói sóng hoặc tiếng sóng, ánh chiều hồng, ngọn núi xanh, ngọn gió thu, dấu vết cuộc chiến xưa, hình ảnh nhà thơ cô độc với mái đầu bạc. Tất cả những hình ảnh ấy đều chân thực tự nhiên, đúng với hoàn cảnh sống mà Nguyễn Du trải nghiệm, giống như sự chân thực trong cảnh tượng Trường Giang mà Tô Đông Pha và Dương Thận đã tái hiện.

Khi sống trong cảnh phiêu bạt ở đất bắc, Nguyễn Du nhìn dòng sông chảy trôi mà thương cảm: "Hành cước vô căn nhiệm chuyển bồng/ Giang nam giang bắc nhất nang không/ Bách niên cùng tử văn chương lý/ Lục xích phù sinh thiên địa trung/ Vạn lý hoàng quan tương mộ cảnh/ Nhất đầu bạch phát tản tây phong/ Vô cùng kim cổ thương tâm xứ/ Y cựu thanh sơn tịch chiếu hồng" (*Mạn hứng* - kỳ 2) [8, tr. 58-59].

Nguyễn Du miêu tả cảnh sống của mình "như ngọn cỏ bồng, chân không bén rễ", với "một chiếc túi rỗng không", "đi hết nam sông lại bắc sông", trong cảnh "trời đã xế chiều", "đầu tóc bạc phơ" bị "gió tây thổi tung" và thoáng thấy "dãy núi xanh vẫn nhuộm bóng chiều hồng như cũ". Những từ ngữ miêu tả ấy gợi lại những hình ảnh ước lệ tượng trưng quen thuộc của thơ cổ nói chung và những hình ảnh trong bài từ *Tây giang nguyệt* của Dương Thận nói riêng.

Khi đi qua sông Phú Nông, Nguyễn Du thấy cảnh tượng: "Nông thủy đông lưu khứ/ Thao thao cánh bất hồi/ Thanh sơn thương vắng sự" (Nước sông Phú Nông chảy về đông/ Cuồn cuộn đi, không trở lại/ Nhìn ngọn núi xanh, thương chuyện cũ - *Độ Phú Nông giang cảm tác*) [8, tr.77].

Khi lên núi cao nhìn về thành ông Ninh, Nguyễn Du thấy dấu vết oai phong của người xưa qua bức tường thành nơi bên sông, ông liên tưởng đến cảnh "Giang sơn như họa" mà Tô Đông Pha hoài cổ về Xích Bích (*Ninh Công thành*) [8, tr.107-108].

Khi ngồi một mình trên thủy các sông La Phù, Nguyễn Du thấy "Du du vân ảnh biến thành tịch/ Cồn cồn lãng hoa phù cổ kim" (Bóng mây sớm chiều thay đổi chóng/ Lớp sóng cổ kim chìm nổi mau). Dưới thì nước chảy, trên thì mây bay, toàn những sự biến đổi không ngừng và chóng vánh (*La Phù giang thủy các độc tọa*) [8, tr.130-131].

Khi qua đò sông Gianh, Nguyễn Du cũng thấy sông nước mùa thu với cảnh "trời và nước bập bênh", "khói sóng lồng lộng", "đứng bên bờ sông trông suốt tận bề cả", "bờ cõi các triều phân chia giữa dòng sông", "lá vàng bay lá tả trên lũy cũ của ba quân" (*Độ Linh giang*) [8, tr.187]. Cảnh tượng đó vừa là cảnh tượng của tự nhiên, vừa là cảnh tượng của lịch sử, vừa là cảnh tượng của tâm trạng trữ tình, vừa đẹp hùng tráng phóng khoáng khiến người qua sông muốn thưởng ngoạn lại vừa tiềm ẩn vẻ hiểm nguy cho người qua sông chỉ bằng con đò nhỏ. Cảnh tượng đó mang bóng dáng của cảnh tượng trong *Xích Bích hoài cổ* của Tô Đông Pha.

Ngoài sự tương đồng về một số hình ảnh của tự nhiên, còn có sự tương đồng về thân phận lưu lạc của các khách phong lưu anh hùng là Nguyễn Du, Tô Đông Pha và Dương Thận. Nếu hai nhà thơ Trung Quốc nhìn cảnh Trường Giang chảy về đông trong hoàn cảnh bản thân đang bị lưu đày thì Nguyễn Du cũng nhìn cảnh những dòng sông ở đất Việt đang chảy về đông trong hoàn cảnh bôn ba lưu lạc gió bụi của đời ông. Tâm thân lữ thứ, bóng dáng cô độc nơi sông nước mênh mông, mái đầu tóc bạc, tương lai mờ mịt hiểm nguy, sự thiếu thốn về ngân lượng, đó cũng là những điểm tương đồng về hình ảnh của ba nhà thơ trước cảnh tượng sông lớn chảy về đông.

Điểm mới trong trong cảnh tượng tự nhiên của dòng sông chảy về đông ở thơ chữ Hán của Nguyễn Du chủ yếu ở chỗ nhà thơ không chỉ miêu tả những dòng sông thực trên những con đường đất Việt ông đã đi qua mà còn là những dòng sông trong tưởng tượng, trong kí ức của nhà thơ.

Có cảnh tượng sông lớn chảy về đông được Nguyễn Du tả lại trong đêm xuân khi nằm mà tưởng tượng ra chứ không phải trực tiếp ngắm nhìn. Đó là cảnh tượng sông Lam. Mặc dù cách quê nhà "xa ngàn dặm", Nguyễn Du nằm nghe mưa gió đêm xuân mà tưởng tượng ra cảnh dòng nước Long giang (tên khác của sông Lam) chảy trôi và tiếng sóng lạnh lùng "tiễn đưa kim cổ". Nỗi ám ảnh tiếng sóng dòng sông cuốn bao anh hùng hào kiệt phong lưu quá là đã vang từ thiên cổ đến tận giấc cô miên trong đêm trường mùa xuân của Nguyễn Du. Tiếng sóng lạnh lùng tống người xưa và tiễn người nay đã trở thành thứ âm thanh hợp tấu của dòng Trường Giang và Long giang: "Nam đài thôn ngoại Long giang thủy/ Nhất phiến hàn thanh tống cổ kim" (*Xuân dạ*) [8, tr.60].

Có cảnh tượng sông lớn chảy về đông là sự kết hợp của vài dòng sông trong tâm thức Nguyễn Du. Khi ở đất Huế, Nguyễn Du nhìn theo một dòng sông mà lại thấy trong đó có cả hình ảnh của dòng Trường Giang và dòng sông Vô Định trong thơ xưa: "Đông vọng giang đầu vọng cổ giao/ Phù vân vô định thủy thao thao/ Phong xuy cổ trùng phù vinh tận/ Nhật lạc bình sa chiến cốt cao" (Ngoảnh trông đầu sông về phía đông, nơi đất cũ/ Đám mây nổi lơ lửng, nước chảy cuồn cuộn/

Gió thổi mờ xưa, bao vinh hoa hã đã hết/ Bóng chiều trên bãi cát, đống xương chiến sĩ chất cao - *Ngẫu thư công quán bích*) [8, tr.160-161].

Trong cảnh tượng đó, ngoài hình ảnh dòng sông cuộn cuộn chảy về đông trong ánh chiều tà còn có thêm hình ảnh mây trôi vô định, gió thổi mờ hoang. Những nắm mờ trên bãi cát cồn sông là của biết bao tử sĩ, cũng là dấu tích của những cuộc chiến tương tàn trong quá khứ, giống như những nắm mờ hay đống xương Vô Định trong bài *Lũng tây hành* mà thi nhân Trần Đào đời Văn Đường đã miêu tả [12, tr.1387]. Có lẽ từ "vô định" chỉ sự trôi nổi vô hướng của đám mây chính là từ ẩn ý gợi ra cảnh đống xương bên sông Vô Định, từ "thao thao" của dòng nước gợi đến từ "cồn cồn" trong bài từ của Dương Thận, còn cụm từ "phù vinh tận" gợi đến cụm từ "tận anh hùng" và "tận thiên cổ phong lưu nhân vật" ở bài từ của Dương Thận và Tô Đông Pha. Như vậy, cảnh tượng một dòng sông ở Huế là sự kết hợp của dòng sông hiện diện trước mắt Nguyễn Du với dòng Trường Giang và dòng sông Vô Định trong tâm thức Nguyễn Du.

Những dòng sông chảy về đông trong những bài thơ ấy của Nguyễn Du tuy không lớn như dòng Trường Giang nhưng ý nghĩa thâm mỹ cũng rất rộng và sâu. Nguyễn Du nhìn những dòng sông ấy từ nhiều điểm khác nhau, có khi chỉ là đi qua mà kịp nhìn, có khi đi đi lại lại bên sông mà nhìn, có khi ngồi trên thuyền các mà ngắm xuống, có khi đêm nằm mà tưởng tượng, có khi từ núi cao phía xa mà nhìn lại, có khi đứng đầu sông vọng cuối sông. Sự trôi chảy cuộn cuộn của những dòng sông ấy gợi lên bao suy tưởng về biến đổi của nhân sinh thế sự, gợi lại những ý nghĩa và hình ảnh của cảnh tượng Trường Giang mà Tô Đông Pha và Dương Thận đã miêu tả. Nó mang vẻ bi thương, là kết quả của tả cảnh vịnh hoài, tâm cảnh tương sinh.

3.2.3. Những điểm tương đồng và điểm mới trong tư tưởng của Nguyễn Du so với tư tưởng của một số nhà thơ cổ điển Trung Quốc trước cảnh tượng sông lớn chảy về đông

Điểm tương đồng và điểm mới đều được nhìn nhận ở tư tưởng nhân văn mà cốt lõi là tấm lòng luôn cảm thương của Nguyễn Du với người và với chính bản thân ông.

Nhìn cảnh sông nước chảy về đông, Nguyễn Du cũng luôn nhớ tiếc, buồn tủi, cảm thương chuyện xưa người cũ. Những "anh hùng", bậc "phong lưu", "đa thiếu hào kiệt" và khách "đa tình" mà Tô Đông Pha và Dương Thận gợi tới, ngay cả đến Tô Đông Pha và Dương Thận cũng đều thuộc về "vãng sự" (chuyện xưa) và thuộc về niềm "thương" của Nguyễn Du. Thương cảm với người, tự thương cảm với mình, đó chính là nỗi niềm chung của ba tác giả. Nguyễn Du cũng nhìn dòng sông chảy cuộn cuộn về đông mà nghĩ đến một chữ "tận" trong số phận và sự nghiệp của bao nhiều người. Đó là cảnh tài liên tài, tình liên tình, cùng hội cùng thuyền, đồng thanh đồng khí.

Nhưng nếu như Tô Đông Pha và Dương Thận thể hiện sự thương cảm ấy kín đáo, thông qua "hoài cổ", "thác vật ngôn chí" và suy tưởng triết lý thì Nguyễn Du đã bộc lộ rõ ràng sự thương cảm ấy bằng việc sử dụng đúng từ "thương" trong sáng tác của mình. Đặc biệt, ông nhận định rõ ràng nơi thương tâm nhất của con người cổ kim chính là nơi ngọn núi xanh vẫn nhuốm bóng chiều hồng, cũng nghĩa là nơi cảnh tượng dòng sông cuộn cuộn chảy về đông: "Vô cùng kim cổ thương tâm xứ/ Y cựu thanh sơn tịch chiếu hồng" (*Mạn hứng* kỳ 2) [8, tr. 58-59]. Đây cũng là nhận định mới so với Lý Bạch đời Đường vì Lý Bạch cho rằng nơi thương tâm trong thiên hạ là nơi đỉnh Lao Lao tổng khách mùa xuân (Thiên hạ thương tâm xứ/ Lao Lao tổng khách đình... - *Lao Lao đình*) [11, tr.361].

Ở Nguyễn Du còn có sự cảm thương với những con người không đồng cảnh, đó là những tử sĩ vô danh vùi thây nơi bến cát bờ sông và những người khuê phụ cùng những người thân khác của họ. Bài thơ *Ngẫu thư công quán bích* [8, tr.160-161] không còn đơn thuần là lời cảm thương cho bản thân tác giả, cho sự nghiệp các anh hùng hào kiệt mà còn là lời cảm thán cho hàng ngàn số phận chinh nhân tử sĩ đã vùi thây trên bãi cát cồn sông. Đó cũng là lời gián tiếp phản đối cuộc chiến tương tàn, là sự giạt mình thức tỉnh giấc mộng phù vinh không chỉ của hào kiệt phong lưu mà còn là của cả những người lính hay tráng sĩ đã bị vùi thây và thân nhân của họ.

Từ cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong tác phẩm của ba tác giả, những giá trị tích cực trong cách nhìn nhận và xử thế có thể được rút ra. Cuộc sống luôn biến đổi không ngừng, có thể có những biến động lớn lao trong cuộc đời mỗi người, như dòng sông luôn cuộn cuộn về đông. Tâm trạng con người tuy đổi thay theo những biến động ấy nhưng con người có thể ít nhiều chủ

động điều hòa hoặc giải tỏa tâm trạng để tạo cho tinh thần và thể chất bình an hơn. Không có số phận nào là bi thương nhất nếu con người nhìn rộng ra đời sống xã hội và lịch sử nhân sinh. Sự điều hòa hoặc giải tỏa tâm trạng của con người có thể có được khi con người đứng trước những cảnh đẹp của tự nhiên, đặc biệt là trước những cảnh tượng mang vẻ đẹp khoáng đạt hùng tráng hoặc u tĩnh của núi sông. Với người biết thưởng thức và sáng tạo nghệ thuật, nghệ thuật cũng chính là nơi ít nhiều giúp tiêu tan những xúc cảm bi thương và nuôi dưỡng tâm trạng bình an cùng những tư tưởng nhân văn tốt đẹp. Ngoài ra, các tôn giáo mà tiêu biểu là đạo Phật có thể sẽ là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho con người. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tình thương người vẫn là giá trị quan trọng để con người tiếp tục thực hiện sứ mệnh riêng có trong xã hội.

4. Kết luận

Cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong bài từ *Xích Bích hoài cổ* của Tô Đông Pha và bài từ *Tây giang nguyệt* của Dương Thận có mối liên hệ đến cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Lấy bối cảnh đoạn sông Trường Giang từng diễn ra trận Xích Bích thời Tam Quốc làm cảm hứng trên con đường bị lưu đày, Tô Đông Pha và Dương Thận thông qua việc miêu tả cảnh sông nước cuộn cuộn trôi về bể đông dưới ánh tịch dương hồng để thể hiện nhiều tâm trạng, có hoài cổ, phóng khoáng, cảm thán, bi thương và cả sự an nhiên bình thản.

Cảnh tượng sông lớn chảy về đông trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du chủ yếu thể hiện ở một số bài thơ gắn liền với cuộc sống thực của ông. Những hình tượng về dòng sông cuộn cuộn đổ về đông, ánh tịch dương hồng, non xanh vẻ cũ, dấu tích những cuộc chiến tương tàn trở thành hình tượng ám ảnh, có khi hiển lộ, có khi thấp thoáng trong thơ Nguyễn Du. Ngoài sự tiếp nhận các hình ảnh sông lớn chảy về đông và tư tưởng nhân văn từ Tô Đông Pha và Dương Thận, Nguyễn Du còn thể hiện một số điểm mới trong sáng tác của mình, từ việc tả cảnh những dòng sông đất Việt đến việc thể hiện tư tưởng nhân văn gắn với sự cảm thương sâu sắc của ông với nhiều kiếp người hay sự tự thương về số phận lưu lạc cùng tương lai mờ mịt của bản thân.

Qua cảnh tượng sông lớn chảy về đông ở cả ba tác giả, những giá trị tích cực trong cách đối diện với những biến động của đời người cùng cách ứng xử với xã hội và tự nhiên được đặt ra. Cuộc sống luôn biến động, như dòng nước cuộn cuộn về đông. Con người luôn có cách để đối diện, đón nhận và ứng xử trước những biến động ấy, vừa có thể giữ được thể chất tinh thần bình an vừa tiếp tục thực hiện những điều nhân văn tốt đẹp trong lí tưởng của bản thân. Những cảnh tượng tự nhiên, những sáng tác nghệ thuật đời trước để lại, những tư tưởng nhân văn trong tôn giáo mà tiêu biểu là trong Phật giáo có thể hỗ trợ con người giữ gìn sự bình yên trong thân tâm, cũng giúp con người có thêm tình thương hay lòng trắc ẩn trước những số phận kém may mắn trong xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] F. H. Luo and W. Ruan, *Talents of many generations - Selected 600 poems about the Changjiang River*. Wuhan Publishing House, (in Chinese), 2018.
- [2] S. P. Tian, "Comparison of the images of the Yellow River and the Changjiang River in Li Bai's poetry," *Journal of Further Education of Shaanxi Normal University*, no. 2, pp. 37-41, 2007.
- [3] Q. Q. Xie, "The yellow river writing in Du Fu's poetry," *Journal of Luohe Vocational and Technical College*, no. 4, pp. 13-16, 2004.
- [4] S. J. Li, "Changjiang and the spirit of Chinese poetry," *China Three Gorges*, no. 5, pp. 7-11, 2023.
- [5] Q. T. La, *Romance of the Three Kingdoms*, vol. I, Ha Noi: Literary Publishing House, (in Vietnamese), 2004.
- [6] T. T. Le, "The rereading of Quan Cong," *VNU Journal of Social Sciences and Humanities*, vol. 26, no. 4, pp. 246-259, 2010.
- [7] H. L. Nguyen, *To Dong Pha*. An Giang: An Giang General Publishing House, 1990, pp. 107-108.
- [8] T. Le and C. Truong, *Nguyen Du's Sino poems*. Ha Noi: Literary Publishing House, 2012.
- [9] T. T. H. Dam, "The self-discovery journey in expatriate poetry," *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, vol. 20, no. 4, pp. 603-615, 2023.
- [10] T. T. T. Ngo, "Reams in Nguyen Du's Sino poems," *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, no. 49, pp. 131-139, 2013.
- [11] N. L. Le, *Selection and interpretation of Tang poetry*, vol. I, Hue: Thuan Hoa Publishing House, 1997.
- [12] N. L. Le, *Selection and interpretation of Tang poetry*, vol. II, Hue: Thuan Hoa Publishing House, 1997.